

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hàng không thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Các Cảng vụ Hàng không;
- Các doanh nghiệp hàng không;
- Lưu: VT, KSTTHC (03).



Lê Đình Thọ

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2225 /QĐ-BGTVT
Ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1.	B-BGT-285592-TT	Giao đất tại cảng hàng không, sân bay	Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cảng vụ Hàng không
2.	B-BGT-285593-TT	Cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay	Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cảng vụ Hàng không
3.	B-BGT-285598-TT	Gia hạn cho thuê đất tại cảng hàng không, sân bay	Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cảng vụ Hàng không
4.	B-BGT-285599-TT	Cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay	Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục Hàng không VN
5.	B-BGT-285615-TT	Cấp giấy chứng nhận đăng ký	Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng	Hàng không	Cục Hàng không VN

		tạm thời cảng hàng không, sân bay	Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay		
6.	B-BGT-285602-TT	Cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục Hàng không VN
7.	B-BGT-285605-TT	Sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay	Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục Hàng không VN
8.	B-BGT-285606-TT	Chấp thuận việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay	Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục Hàng không VN
9.	B-BGT-285607-TT	Chấp thuận đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác	Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục Hàng không VN
10.	B-BGT-285595-TT	Đóng tạm thời cảng hàng không, sân bay để cải tạo, mở rộng, sửa chữa kết cấu hạ tầng	Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục Hàng không VN
11.	B-BGT-	Cấp giấy phép	Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày	Hàng	Cục Hàng

	285609-TT	khai thác thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay	19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	không	không VN
12.	B-BGT-285612-TT	Cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay	Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục Hàng không VN
13.	B-BGT-285613-TT	Cấp lại Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay	Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục Hàng không VN

2. Danh mục thủ tục hành chính bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1.	Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không	Thông tư 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi Thông tư 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 hướng dẫn quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay	Hàng không	Cục HKVN
2.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng	Thông tư 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018	Hàng không	Cục HKVN

	hàng không	của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi Thông tư 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 hướng dẫn quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay		
--	------------	---	--	--

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

2. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ SỬA ĐỔI

1. Thủ tục giao đất tại cảng hàng không, sân bay

1.1. Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức có nhu cầu sử dụng đất gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị giao đất trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức khác đến Cảng vụ hàng không.

- Giải quyết TTHC:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng không thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cảng vụ hàng không thông báo bằng văn bản lý do từ chối việc giao đất cho tổ chức đề nghị hoặc ban hành quyết định giao đất theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 17/2016/TT-BGTVT; tổ chức bàn giao đất trên thực địa và lập biên bản bàn giao theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 17/2016/TT-BGTVT.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cảng vụ hàng không;

- Qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị giao đất theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 17/2016/TT-BGTVT;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

b) Số lượng: 01 bộ

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ hàng không

d) Cơ quan phối hợp: Không

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao đất

1.8. Phí, lệ phí: Không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị giao đất theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 17/2016/TT-BGTVT

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm....
ĐƠN¹....

Kính gửi: Cảng vụ hàng không miền²

1. Tổ chức, cá nhân xin giao đất/thuê đất³
2. Địa chỉ/trụ sở chính:
3. Địa chỉ liên hệ:
4. Địa điểm khu đất:
5. Diện tích (m²):
6. Để sử dụng vào mục đích: ⁴
7. Thời hạn sử dụng:
8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
Các cam kết khác (nếu có).....
9. Hồ sơ gửi kèm:⁵

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

¹ Ghi rõ đơn đề nghị giao đất hoặc đề nghị thuê đất.

² Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất.

³ Ghi rõ họ, tên tổ chức/cá nhân đề nghị giao đất, cho thuê đất kèm thông tin về cá nhân đối với trường hợp là cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); thông tin về tổ chức đối với trường hợp là tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...).

⁴ Ghi rõ mục đích sử dụng đất theo văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.

⁵ Ghi rõ thành phần hồ sơ gửi kèm theo yêu cầu của Thông tư 51/2018/TT-BGTVT.

2. Thủ tục cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay

2.1. Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không.

- Giải quyết TTHC:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng không thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định cho thuê đất theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 51/2018/TT-BGTVT; tiến hành bàn giao đất trên thực địa và lập biên bản bàn giao theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 17/2016/TT-BGTVT; gửi quyết định cho thuê đất, hồ sơ đề nghị thuê đất của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền của địa phương để đề nghị ban hành đơn giá thuê đất theo quy định.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cảng vụ hàng không;

- Qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cho thuê đất theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 17/2016/TT-BGTVT;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không, phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;

- Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất.

b) Số lượng: 01 bộ

2.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ hàng không

d) Cơ quan phối hợp: Không

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho thuê đất.

2.8. Phí, lệ phí: Không

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cho thuê đất theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 17/2016/TT-BGTVT

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm....

ĐƠN¹....

Kính gửi: Cảng vụ hàng không miền²

1. Tổ chức, cá nhân xin giao đất/thuê đất³
2. Địa chỉ/trụ sở chính:
3. Địa chỉ liên hệ:
4. Địa điểm khu đất:
5. Diện tích (m²):
6. Để sử dụng vào mục đích: ⁴
7. Thời hạn sử dụng:
8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;
Các cam kết khác (nếu có).....
9. Hồ sơ gửi kèm:⁵

Tổ chức/cá nhân làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

¹ Ghi rõ đơn đề nghị giao đất hoặc đề nghị thuê đất.

² Ghi rõ tên Cảng vụ hàng không có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất.

³ Ghi rõ họ, tên tổ chức/cá nhân đề nghị giao đất, cho thuê đất kèm thông tin về cá nhân đối với trường hợp là cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); thông tin về tổ chức đối với trường hợp là tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...).

⁴ Ghi rõ mục đích sử dụng đất theo văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.

⁵ Ghi rõ thành phần hồ sơ gửi kèm theo yêu cầu của Thông tư 51/2018/TT-BGTVT.

3. Thủ tục gia hạn cho thuê đất tại cảng hàng không, sân bay

3.1. Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ TTHC:

Trước khi hết thời hạn thuê đất tối thiểu là 06 tháng, tổ chức, cá nhân sử dụng đất gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng không.

- Giải quyết TTHC:

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng không thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cảng vụ hàng không ban hành quyết định gia hạn cho thuê đất theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 51/2018/TT-BGTVT; gửi quyết định gia hạn cho thuê đất, hồ sơ đề nghị thuê đất của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền của địa phương để đề nghị ban hành đơn giá thuê đất theo quy định.

3.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cảng vụ hàng không;

- Qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị gia hạn thời gian thuê đất;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất, chứng từ đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính về đất đai theo quy định của pháp luật của năm gần nhất;

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư mà có thay đổi thời hạn hoạt động của dự án (nếu có);

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc gia hạn thời hạn của dự án đầu tư.

b) Số lượng: 01 bộ

3.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng không

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cảng vụ hàng không

d) Cơ quan phối hợp: Không

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định gia hạn cho thuê đất.

3.8. Phí, lệ phí: Không

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trước khi hết thời hạn thuê đất tối thiểu là 06 tháng, tổ chức, cá nhân sử dụng đất gửi hồ sơ về Cảng vụ hàng không.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay

4.1. Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

- Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

4.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cục Hàng không Việt Nam;

- Qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 17/2016/TT-BGTVT;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay; chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của chủ sở hữu cảng hàng không, sân bay là cá nhân;

- Bản sao quyết định, chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay;

- Bản sao tài liệu xác nhận kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay đã hoàn thành các thủ tục nghiệm thu theo quy định về đầu tư xây dựng cơ bản.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ sở hữu, tổ chức

4.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

4.8. Phí, lệ phí:

- Đối với cảng hàng không quốc tế: 70.000.000đ

- Đối với cảng hàng không khác: 40.000.000đ

- Đối với sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 15.000.000đ

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 17/2016/TT-BGTVT

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất 60 ngày sau khi hoàn thành xây dựng, cảng hàng không, sân bay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời phải được đăng ký theo quy định của Thông tư 17/2017/TT-BGTVT.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số

17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

Mẫu số 09

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v đề nghị cấp

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay....) tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).
5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).
6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
7. Nội dung đề nghị¹: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

¹ Ghi chú:

- Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời, sửa đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

- Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên, địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp, địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

5. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay

5.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản lý cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

b) Giải quyết TTHC:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, bao gồm các nội dung sau:

+ Cảng hàng không, sân bay được xây dựng phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc đã được phê duyệt;

+ Kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay được xây dựng, nghiệm thu kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và năng lực khai thác;

+ Phương án xây dựng kết cấu hạ tầng của cảng hàng không, sân bay phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định đối với việc đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay đang xây dựng và năng lực khai thác.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

5.2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

b) Hoặc các hình thức phù hợp khác.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay, theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2017/TT-BGTVT;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp), bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu chính) quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của chủ sở hữu hoặc tổ chức được giao quản

lý cảng hàng không, sân bay; chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu của chủ sở hữu cảng hàng không, sân bay là cá nhân;

- Bản sao quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư cảng hàng không, sân bay.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

5.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam đăng ký cảng hàng không, sân bay vào Sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay và cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

5.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

5.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay.

5.8. Phí, lệ phí: Không

5.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời cảng hàng không, sân bay.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Chậm nhất 60 ngày sau khi hoàn thành xây dựng, cảng hàng không, sân bay đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời phải được đăng ký theo quy định của Thông tư 17/2017/TT-BGTVT.

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

Mẫu số 09

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

V/v đề nghị cấp

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ

Căn cứ

Công tyđề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay....) tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).

4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).

5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).

6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).

7. Nội dung đề nghị¹: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC

¹ Ghi chú:

- Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời, sửa đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

- Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên, địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp, địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

6. Thủ tục cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay

6.1. Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức được giao quản lý, khai thác khu bay gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

- Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác sân bay. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cục Hàng không Việt Nam;

- Qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 17/2016/TT-BGTVT;

- Tài liệu khai thác sân bay.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

6.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định tài liệu khai thác sân bay.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định, Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp cho người đề nghị.

6.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

6.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

6.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

6.8. Phí, lệ phí:

- Đối với cảng hàng không quốc tế: 110.000.000đ
- Đối với cảng hàng không khác: 40.000.000đ
- Đối với sân bay trực thăng, sân bay chuyên dùng: 15.000.000đ

6.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 17/2016/TT-BGTVT

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

Mẫu số 09

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v đề nghị cấp

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ

Căn cứ

Công ty đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay (Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay....) tại cảng hàng không (sân bay)

Thông tin cụ thể như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
4. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).
5. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân, nơi cấp, ngày cấp).
6. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
7. Nội dung đề nghị¹: yêu cầu nêu rõ nội dung đề nghị và các thông tin kèm theo tùy theo từng nội dung đề nghị (xem phần ghi chú).

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

¹ Ghi chú:

- Đối với đề nghị giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận đăng ký tạm thời, sửa đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng bạ cảng hàng không, sân bay, giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không: tên, địa chỉ của người đề nghị cấp tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ; cấp sân bay; mục đích khai thác, năng lực khai thác.

- Đối với đề nghị cấp giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay: tên, địa chỉ của người đề nghị; loại hình dịch vụ cung cấp, địa điểm cung cấp dịch vụ; quy mô cung cấp dịch vụ.

7. Thủ tục sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay

7.1. Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ TTHC:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay khi có các thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác sân bay, trình Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt.

- Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, kiểm tra đối chứng thực tế, phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối phê duyệt cho người đề nghị.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cục Hàng không Việt Nam;

- Qua hệ thống bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Văn bản đề nghị phê duyệt;

- Dự thảo nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu;

- Tài liệu chứng minh nội dung sửa đổi, bổ sung;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

7.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.

7.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

7.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

7.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay.

7.8. Phí, lệ phí: Không

7.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay phải sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay khi có các thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác sân bay.

7.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

8. Thủ tục chấp thuận việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay

8.1. Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ TTHC:

Chủ đầu tư dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận đến Cục Hàng không Việt Nam.

- Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định, ban hành văn bản chấp thuận và triển khai cho các cơ quan, đơn vị có liên quan đến an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay. Trường hợp từ chối chấp thuận, phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị, có nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cục Hàng không Việt Nam;

- Qua hệ thống bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Văn bản đề nghị chấp thuận;

- Phương án tổ chức thi công, biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường tại cảng hàng không, sân bay trong quá trình thi công;

- Thỏa thuận phương án bảo đảm an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay với cơ quan, đơn vị liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

8.4. Thời hạn giải quyết: 12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

8.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ đầu tư xây dựng dự án

8.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam

d) Cơ quan phối hợp: Không

8.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận

8.8. Phí, lệ phí: không

8.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: không

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Chủ đầu tư dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình; bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận đến Cục Hàng không Việt Nam trong các trường hợp sau đây:

- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình;

- Bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị làm ngừng hoạt động của công trình, cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không trên 24 giờ, trừ trường hợp đột xuất uy hiếp trực tiếp đến an toàn, an ninh hàng không cần thực hiện ngay;

- Bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị được thực hiện trong thời gian không phục vụ chuyến bay theo kế hoạch bay liên tục từ 30 ngày trở lên.

8.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

9. Thủ tục chấp thuận đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác

9.1. Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ TTHC:

Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

- Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định việc đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác. Trong trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

9.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cục Hàng không Việt Nam;

- Qua hệ thống bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Văn bản đề nghị đưa công trình, một phần công trình vào khai thác bao gồm các thông tin: vị trí và phạm vi đưa vào sử dụng; thời gian đưa vào sử dụng; các thông số kỹ thuật chính của hạng mục công trình; tuổi thọ công trình;

- Bản sao hồ sơ liên quan đến việc nghiệm thu đưa công trình vào khai thác theo quy định của pháp luật;

- Tài liệu khai thác công trình, cung cấp dịch vụ, bao gồm các nội dung sau: phương án khai thác, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ hàng không; sơ đồ mặt bằng hạ tầng cung cấp dịch vụ; quy trình bảo trì.

b) Số lượng: 01 bộ

9.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

9.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Người khai thác công trình

9.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

9.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận

9.8. Phí, lệ phí: Không

9.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

9.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

10. Thủ tục đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay

10.1. Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ TTHC:

Người khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

- Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam xem xét, quyết định việc đóng tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay. Trong trường hợp không chấp thuận, Cục Hàng không Việt Nam phải có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

10.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cục Hàng không Việt Nam;

- Qua hệ thống bưu điện hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Tờ trình xin phép đóng cửa tạm thời một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay bao gồm các thông tin: lý do đóng tạm thời; vị trí và phạm vi đóng tạm thời; thời gian đóng tạm thời;

- Bản sao sơ đồ bản vẽ chi tiết khu vực đóng tạm thời;

- Phương án bảo đảm duy trì hoạt động liên quan đến công trình đóng tạm thời;

- Biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn liên quan đến công trình đóng tạm thời.

b) Số lượng: 01 bộ

10.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

10.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Người khai thác công trình

10.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân

bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

10.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận

10.8. Phí, lệ phí: Không

10.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: không

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

10.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

11. Thủ tục cấp giấy phép khai thác thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay

11.1. Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ TTHC:

Người quản lý, khai thác thiết bị gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác thiết bị trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

- Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, quyết định cấp giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp Giấy phép cho người đề nghị.

11.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cục Hàng không Việt Nam;

- Qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Văn bản đề nghị cấp Giấy phép trong đó giải trình rõ các nội dung sau: loại thiết bị; mục đích sử dụng; phạm vi, khu vực lắp đặt, hoạt động, tiêu chuẩn áp dụng; nhân lực khai thác thiết bị;

- Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), giấy chứng nhận chất lượng (CQ) của thiết bị nhập khẩu;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật đối với thiết bị, phương tiện chuyên ngành hàng không được sản xuất, lắp ráp, cải tiến tại Việt Nam;

- Tài liệu hướng dẫn khai thác của sản xuất;

- Biên bản hoàn thành các thủ tục lắp đặt, kiểm tra, kiểm định hệ thống;

- Các hồ sơ, tài liệu khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với từng loại thiết bị (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

11.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Người quản lý, khai thác thiết bị

11.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý hoạt động bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

11.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép khai thác thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay

11.8. Phí, lệ phí:

- Thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay: 2.000.000đ/lần

- Thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay:

+ Đối với cảng hàng không quốc tế: 7.000.000 đồng/lần

+ Đối với cảng hàng không khác: 6.000.000 đồng/lần

11.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay phải đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường được áp dụng, bao gồm cả tiêu chuẩn của ICAO.

- Thiết bị thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay; thiết bị lắp đặt, hoạt động tại khu bay phải được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy phép khai thác.

- Người quản lý, khai thác thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay ban hành và thực hiện các quy trình khai thác, bảo trì phù hợp với tài liệu khai thác, bảo trì của nhà sản xuất; có phương án, thiết bị dự phòng thay thế để đảm bảo không gián đoạn việc cung cấp dịch vụ hàng không; tổ chức huấn luyện, cập nhật cho nhân viên điều khiển, vận hành về tài liệu kỹ thuật, quy trình khai thác, bảo trì, quy định về bảo đảm an toàn khai thác tại khu bay.

- Việc đầu tư, khai thác các thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay phải phù hợp với quy hoạch cảng hàng không, sân bay, điều kiện của kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay, phạm vi cung cấp dịch vụ của người khai thác thiết bị, phương tiện, mục đích sử dụng.

- Niên hạn sử dụng của các phương tiện hoạt động tại cảng hàng không, sân bay tuân thủ theo tiêu chuẩn áp dụng.

11.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

12. Thủ tục cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

12.1. Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức đề nghị cấp giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không đối với trường hợp cấp lần đầu gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

- Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch, quyết định cấp giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp giấy phép cho người đề nghị.

12.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cục Hàng không Việt Nam;

- Qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép của tổ chức quản lý nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không, kèm theo danh sách nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không;

- Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện), chứng chỉ đào tạo điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị phù hợp của nhà sản xuất hoặc cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định;

- 02 ảnh màu kích thước 3 x 4 cm, chụp không quá 06 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

12.4. Thời hạn giải quyết: 18 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

12.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

12.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

12.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép

12.8. Phí, lệ phí: 600.000đ/lần

12.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

12.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

13. Thủ tục cấp lại giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

13.1. Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức đề nghị cấp lại giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam.

- Giải quyết TTHC:

Trong thời hạn 18 ngày đối với trường hợp giấy phép hết thời hạn hiệu lực và 05 ngày làm việc đối với trường hợp giấy phép bị mất, hỏng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam thẩm định hồ sơ, tổ chức sát hạch (đối với trường hợp giấy phép hết thời hạn hiệu lực), quyết định cấp lại Giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp lại Giấy phép cho người đề nghị.

13.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cục Hàng không Việt Nam;

- Qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép của tổ chức quản lý nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không, kèm theo danh sách nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không;

- Bản sao giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phù hợp (đối với trường hợp nhân viên điều khiển phương tiện), chứng chỉ đào tạo điều khiển, vận hành thiết bị, phương tiện phù hợp của nhà sản xuất hoặc cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định;

- 02 ảnh màu kích thước 3x4 cm, chụp không quá 06 tháng, kiểu chứng minh nhân dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

13.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 18 ngày đối với trường hợp giấy phép hết thời hạn hiệu lực và 05 ngày làm việc đối với trường hợp giấy phép bị mất, hỏng, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định,

13.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức

13.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

13.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hàng không hoạt động thường xuyên tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

13.8. Phí, lệ phí:

Đối với trường hợp giấy phép hết thời hạn hiệu lực: 400.000đ

13.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không.

13.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 102/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quản lý, khai thác Cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

B. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ BỔ SUNG

1. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không

1.1. Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ.

- Giải quyết TTHC:

+ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam tổ chức thẩm định, cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không theo Mẫu số 13 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT; trường hợp không cấp Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng không Việt Nam có văn bản trả lời, hướng dẫn người đề nghị hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cục Hàng không Việt Nam;

- Qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Bản sao tài liệu chứng minh về tổ chức bộ máy và nhân viên được cấp giấy phép, chứng chỉ phù hợp đáp ứng yêu cầu về chuyên môn khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng;

- Bản chính văn bản xác nhận vốn;

- Phương án về trang bị, thiết bị và các điều kiện cần thiết khác để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng Hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

1.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

1.8. Phí, lệ phí: Không

1.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* Được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương trong trường hợp: Thành lập doanh nghiệp cảng hàng không; chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp cảng hàng không cho nhà đầu tư nước ngoài.

* Được cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không, sân bay khi đáp ứng điều kiện sau:

Có phương án kinh doanh và chiến lược phát triển của doanh nghiệp bao gồm các nội dung sau:

a) Tổ chức bộ máy và nhân viên được cấp giấy phép, chứng chỉ phù hợp, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn khai thác cảng hàng không theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng;

b) Hệ thống trang thiết bị và các điều kiện cần thiết để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

c) Đáp ứng các điều kiện về vốn như sau:

- Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cảng hàng không đối với kinh doanh cảng hàng không nội địa: 100 tỷ đồng Việt Nam; kinh doanh cảng hàng không quốc tế: 200 tỷ đồng Việt Nam;

- Tỷ lệ vốn của nhà đầu tư nước ngoài chiếm không quá 30% vốn điều lệ.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ

quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

- Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

Mẫu số 12

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm

V/v đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép
kinh doanh cảng hàng không

**TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP
KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ.....;

Căn cứ.....;

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không với các nội dung chi tiết như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Mã số doanh nghiệp:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).
6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân (hoặc thẻ căn cước), nơi cấp, ngày cấp).
7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
8. Nội dung đề nghị: đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

-
-

2. Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh cảng hàng không

2.1. Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân, tổ chức đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng không Việt Nam và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin trong hồ sơ

- Giải quyết TTHC:

+ Đối với Giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không; trường hợp không cấp Giấy phép phải gửi văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.

+ Đối với Giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm xem xét, quyết định cấp lại Giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản lý do từ chối cấp Giấy phép cho người đề nghị.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Cục Hàng không Việt Nam;

- Qua đường bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT;

- Các tài liệu có liên quan đối với trường hợp thay đổi nội dung Giấy phép (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

+ Đối với Giấy phép cấp lại do thay đổi nội dung: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

+ Đối với Giấy phép cấp lại do bị mất, hỏng: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

2.6. Cơ quan thực hiện TTHC:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cục Hàng không Việt Nam

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý cảng Hàng không, sân bay - Cục Hàng không Việt Nam.

d) Cơ quan phối hợp: Không

2.7. Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không có

2.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép theo Mẫu số 12 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 51/2018/TT-BGTVT

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

* Được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương trong trường hợp: Thành lập doanh nghiệp cảng hàng không; chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp cảng hàng không cho nhà đầu tư nước ngoài.

* Được cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không, sân bay khi đáp ứng điều kiện sau:

Có phương án kinh doanh và chiến lược phát triển của doanh nghiệp bao gồm các nội dung sau:

a) Tổ chức bộ máy và nhân viên được cấp giấy phép, chứng chỉ phù hợp, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn khai thác cảng hàng không theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng;

b) Hệ thống trang thiết bị và các điều kiện cần thiết để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

c) Đáp ứng các điều kiện về vốn như sau:

- Mức vốn tối thiểu để thành lập và duy trì doanh nghiệp cảng hàng không đối với kinh doanh cảng hàng không nội địa: 100 tỷ đồng Việt Nam; kinh doanh cảng hàng không quốc tế: 200 tỷ đồng Việt Nam;

- Tỷ lệ vốn của nhà đầu tư nước ngoài chiếm không quá 30% vốn điều lệ.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QHH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QHH13 ngày 21/11/2014;

- Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không

dân dụng;

- Thông tư số 51/2018/TT-BGTVT ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay.

Mẫu số 12

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm

V/v đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép
kinh doanh cảng hàng không

**TỜ KHAI CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP
KINH DOANH CẢNG HÀNG KHÔNG**

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam.

Căn cứ.....;

Căn cứ.....;

Công ty..... đề nghị Cục Hàng không Việt Nam cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không với các nội dung chi tiết như sau:

1. Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân, cá nhân (kể cả tên viết tắt và tên giao dịch quốc tế).
2. Mã số doanh nghiệp:
3. Địa chỉ trụ sở chính:
4. Địa chỉ liên lạc: (tên người có trách nhiệm, địa chỉ thư tín, địa chỉ điện tử, điện thoại, fax).
5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức).
6. Thông tin của người đại diện theo pháp luật (họ và tên, giới tính, dân tộc, số chứng minh thư nhân dân (hoặc thẻ căn cước), nơi cấp, ngày cấp).
7. Loại hình doanh nghiệp: (công ty TNHH, công ty cổ phần...).
8. Nội dung đề nghị: đề nghị cấp/cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

-
-